

Bản án số: **38/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 31.7.2024

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Trần Thị Kim Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ ,TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thu Sương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 87/2024/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2024 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1976 (có mặt)

Địa chỉ: H đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

-Bị đơn: Anh **Ngô Tá T**, sinh năm: 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: H đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, đơn trình bày; biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Tôi và anh Ngô Tá T quen nhau được 01 năm rồi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, TP Đà Nẵng vào ngày 20/4/2010.

Sau khi cưới tôi sống tại Việt Nam còn chồng tôi là anh T qua nước ngoài làm việc; tôi sống cùng với gia đình chồng tôi tại phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Đến tháng 8/2007, thì vợ chồng tôi xây nhà và chuyển về sống tại địa chỉ nhà số H đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay. Quá chung sống anh

T làm việc ở nước ngoài nhưng thỉnh thoảng vẫn về Việt Nam sống cùng với mẹ con tôi tại địa chỉ H đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; đến đầu năm 2020 thì anh T đi lại nước ngoài và đi luôn từ đó cho đến nay; không cung cấp địa chỉ ở nước ngoài cho tôi được biết; cũng không liên lạc gì với mẹ con tôi; tôi cũng không biết thông tin gì của anh T qua người thân của anh tại Việt Nam. Hiện nay thì hộ khẩu thường trú của anh T vẫn còn ở địa chỉ 84 đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Hiện nay tôi không còn tình cảm với anh T, anh T bỏ mẹ con tôi đi biệt tích từ năm 2020 đến nay; không quan tâm; không có trách nhiệm gì với mẹ con tôi nên đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Ngô Tá T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Ngô Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 14/6/2012.

Ly hôn, tôi yêu cầu được nuôi con chung là Ngô Nguyễn Ngọc T1.

Tôi không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tôi có nhà và đất tại H đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Ly hôn, tôi đề nghị vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Ngô Tá T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh T vẫn vắng mặt không có lý do và anh T cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo trừ bị đơn anh Ngô Tá T đã không thực hiện nghĩa vụ của đương sự là đến Tòa theo triệu tập do vậy căn cứ Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị xét xử vắng mặt anh T.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị căn cứ quy định tại Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Ngô Tá T:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ngô Tá T.

- Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Ngô Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 14/6/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên anh Ngô Tá T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng chị có tài sản chung là nhà và đất tại H đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Ly hôn vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Chị H xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự trình bày ý kiến; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng thụ lý giải quyết tranh chấp ly hôn, nuôi con chung đối với anh Ngô Tá T và Tòa án đã thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của chị H là đúng thẩm quyền được quy định tại Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa bị đơn anh Ngô Tá T vắng mặt tại nơi cư trú và đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng để triệu tập đến tham gia các phiên hòa giải công khai chứng cứ; các phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt. Vì vậy căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Tá T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị H và anh Ngô Tá T quen nhau được 01 năm rồi kết hôn, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, TP Đà Nẵng vào ngày 20/4/2010 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[2.2] Theo như chị H trình bày thì sau khi cưới chị vẫn sống tại Việt Nam còn chồng chị là anh T qua nước ngoài làm việc; chị H sống cùng với gia đình chồng chị tại phường T, quận T, TP Đà Nẵng. Đến tháng 8/2007, thì vợ chồng chị xây nhà và chuyển về sống tại địa chỉ nhà số H đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng cho đến nay. Quá chung sống anh T làm việc ở nước ngoài nhưng thỉnh thoảng vẫn về Việt Nam sống cùng với mẹ con chị tại địa chỉ H đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; đến đầu năm 2020 thì anh T đi lại nước ngoài và đi luôn từ đó cho đến nay; không cung cấp địa chỉ ở nước ngoài cho chị được biết; cũng không liên lạc gì với mẹ con chị; chị cũng không biết thông tin gì của anh T qua người thân của anh tại Việt Nam. Hiện nay thì hộ khẩu thường trú của anh T vẫn còn ở địa chỉ 84 đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, chị H xác định chị không còn tình cảm với anh T; anh T không có trách nhiệm, không quan tâm gì đến mẹ con chị và bỏ mẹ con chị đi biệt tích từ năm 2020 cho đến nay nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Tá T.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa tại địa chỉ mà anh Ngô Tá T đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay

để anh T có ý kiến nhưng cho đến ngày mở phiên tòa hôm nay anh T vẫn không có mặt và không có văn bản phản hồi ý kiến. Vì vậy HĐXX quyết định xử vắng mặt anh Ngô Tá T.

[2.4] Với những tình tiết và chứng cứ trên, HĐXX xét thấy giữa chị H và anh T không có đời sống hôn nhân thực sự, thực tế hiện nay hai người không chung sống cùng nhau, tình cảm vợ chồng không có, giữa vợ chồng không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được; anh T bỏ đi biệt tích từ năm 2020 đến nay mà không về thăm mẹ con chị H; không có trách nhiệm gì với vợ con. Quá trình Tòa án xác minh tại địa phương cũng xác nhận vợ chồng chị H và anh T hiện không sống cùng nhau; anh T bỏ đi làm ăn xa không quan tâm đến vợ con.

Căn cứ Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Ngô Tá T là hợp lý.

[2.5] Về quan hệ con chung: Chị H xác nhận chị và anh Ngô Tá T có 01 con chung là Ngô Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 14/6/2012. Hiện nay cháu T1 đang sống cùng với chị H. Vợ chồng ly hôn, chị H đề nghị Tòa án giao cháu Ngô Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 14/6/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.5.1] Xét nguyện vọng của chị H thì thấy: Đối với con chung là cháu Ngô Nguyễn Ngọc T1 hiện đang sống cùng mẹ là chị H. Chị H có công việc ổn định và có thu nhập nên đảm bảo điều kiện về vật chất và tinh thần tốt nhất cho sự phát triển của cháu T1, cũng như cháu T1 rất cần sự chăm sóc chu đáo của mẹ; ngoài ra theo trình bày của cháu T1 thì cháu T1 có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Do vậy, HĐXX nghĩ nên giao cháu T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

[2.5.2] Đối với vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H không có yêu cầu và anh T cũng không có ý kiến về việc tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.6] Về tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng chị có tài sản chung là nhà và đất tại H đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Ly hôn vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.7] Về nợ chung: Chị H xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết do vậy HĐXX không đề cập giải quyết.

[2.8] Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định pháp luật.

[2.9] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Ngô Tá T. Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ngô Tá T; về con chung: xử giao con chung là Ngô Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 14/6/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung: Chị H xác định vợ chồng chị có tài sản chung là nhà và đất tại H đường L, tổ C, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Ly hôn vợ chồng chị tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết; Về quan hệ nợ chung: Chị H xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết; Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị H phải chịu.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82;83; 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 266 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Ngô Tá T về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”.

I/ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Ngô Tá T.

II/ Về quan hệ con chung:

Xử: Giao con chung là cháu Ngô Nguyễn Ngọc T1, sinh ngày 14/6/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Ngô Tá Thám k phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bên không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

III/ Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

IV/ Về quan hệ nợ chung: Tự thỏa thuận nên không đề cập giải quyết.

V/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị Nguyễn Thị H phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị H đã nộp tại biên lai thu số 0000651 ngày 23/02/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cẩm Lệ. Chị H đã nộp đủ án phí.

Chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Ngô Tá T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
 - Chi cục THADS quận Cẩm Lệ ;
 - UBND phường Tân Chính, q . Thanh Khê;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ.
- (Giấy CNKH số: /2010
ngày 20/4/2010)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thanh Nga

